TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3-VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số:13/2025/DS-ST
Ngày: 30/7/2025
"V/v tc hợp đồng tín dụng;
thẻ tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ T.

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Bá T;

Ông Nguyễn Tuấn K.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Ngọc P – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Bà Phạm Việt Thy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 200/2024/TLST-DS, ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H (H).**

Địa chỉ trụ sở chính: B N, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện nay: E N, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Quốc T** – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Quốc T (Theo Quyết định uỷ quyền số 5324/2024/QĐ-TGĐ ngày 03/12/2024): Ông **Trần K** – Giám đốc H – Phòng G.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần K (Theo Giấy uỷ quyền số 12/2025/UQ-TGD ngày 12/3/2025): Ông **Ngô Quang T1**, sinh năm 1977 – Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân – Có mặt.

Địa chỉ: Số G N, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ hiện nay: Số G N, phường C, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:*

1. Ông **Nguyễn Hữu P**, sinh năm 1991 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Số nhà A, tổ C, ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ hiện nay: Số nhà A, tổ C, ấp M, phường C, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà **Cao Thị Thu Đ**, sinh năm 1990 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: C, Đ, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: 397, Đ, ấp H, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Văn Ú**, sinh năm 1966 – Xin vắng mặt;

2. Bà **Đoàn Thị T2**, sinh năm 1967 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ hiện nay: Tổ C, ấp T, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2024 của người khởi kiện trình bày:**

1. Quan hệ tín dụng: Ngân hàng TMCP P đã cho ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ vay tiền theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 5467/24MN/HĐTD ngày 28/02/2024; khế ước nhận nợ số: 5467/24MN/HĐTD/KUNN01 ngày 01/03/2024 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số: 354/2022/PGD B ngày 09/03/2022 như sau:

* Hợp đồng tín dụng số: 5467/24MN/HĐTD:

- Hạn mức cho vay: 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ, năm trăm triệu đồng*);
- Mục đích vay: Bổ sung vốn trồng sầu riêng;
- Thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng: 60 tháng (từ ngày 28/02/2024 đến ngày 28/02/2029);
- Khế ước nhận nợ số: 5467/24MN/HĐTD/KUNN01;
- Số tiền giải ngân theo khế ước nhận nợ: 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ, năm trăm triệu đồng*);
- Thời hạn vay theo khế ước nhận nợ: 12 tháng (từ ngày 02/03/2024 đến ngày 01/03/2025);
- Lãi suất cho vay: 11,05%/năm;

* Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số: 354/2022/PGD B:

- Hạn mức thẻ tín dụng: 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*);
- Mục đích: Tiêu dùng;
- Thời hạn hiệu lực của thẻ tín dụng: 36 tháng (từ ngày 11/03/2022 đến ngày 11/03/2025);

2. **Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên:** Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5195/22MN/HĐBĐ do Phòng C chứng nhận ngày 22/02/2022, Số Công Chứng 934, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD đối với quyền sử dụng đất thửa số 132, tờ bản đồ 7, diện tích 9.453,0m^2 ; Đất chuyên trồng lúa nước. Địa chỉ: Ấp T, Xã T, Huyện B (nay là Thị xã B), tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 100209 số vào sổ cấp GCN: CH07220 do Ủy ban nhân dân huyện B ngày 28/02/2013 và được cập nhật thay đổi ngày 18/02/2022.

3. Dư nợ hiện tại: Tính đến thời điểm hiện nay, ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ đã vi phạm Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 5467/24MN/HĐTD ngày 28/02/2024; khế ước nhận nợ số: 5467/24MN/HĐTD/KUNN01 ngày

01/03/2024. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Cụ thể: Đến ngày 02/07/2024, tổng số tiền của ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ còn nợ Ngân hàng là:

3.1. Khoản vay theo HĐTD số: 5467/24MN/HĐTD ngày 28/02/2024; khế ước nhận nợ số: 5467/24MN/HĐTD/KUNN01 ngày 01/03/2024 *(Gốc lãi tạm tính đến ngày 02/07/2024)*

Đơn vị tính : đồng

	Số tiền phải thanh toán trong kỳ	Đã thanh toán	Số tiền còn lại phải thanh toán
Số tiền gốc :	1.500.000.000	0	1.500.000.000
Số tiền lãi trong hạn	55.855.480	112.328	55.743.152
Lãi quá hạn đối với quá hạn gốc và Lãi chậm trả lãi :	719.488	24.740	694.748
Tổng :			1.556.437.900

3.2. Khoản vay thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số: 354/2022/PGD B ngày 09/03/2022 *(Gốc lãi tạm tính đến ngày 01/07/2024)*

	Số tiền phải thanh toán trong kỳ	Đã thanh toán	Số tiền còn lại phải thanh toán
Số tiền gốc :	83.070.602	0	83.070.602
Số tiền lãi+phí:	21.074.858	0	21.074.858
Tổng :			104.145.460

Nhận thấy ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ đã vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký với H. Vì vậy, H tiến hành khởi kiện thu hồi nợ đối với ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ.

Ngân hàng TMCP P yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ:

(1). Buộc ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ phải trả nợ gốc và lãi là 1.660.583.360 đồng (Bằng chữ: *Một tỷ sáu trăm sáu mươi triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi đồn*g) cho H theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận theo các hợp đồng cụ thể sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 5467/24MN/HĐTD ngày 28/02/2024 và khế ước nhận nợ số: 5467/24MN/HĐTD/KUNN01 ngày 01/03/2024 giữa H với ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ.

+ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số: 354/2022/PGD B ngày 09/03/2022 giữa H với ông Nguyễn Hữu P.

Trường hợp ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho H, đề nghị Quý Tòa cho Ngân hàng yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp tại H là: Quyền sử dụng đất thửa số 132, tờ bản đồ 7, diện tích 9.453,0m^2 ; Đất chuyên trồng lúa nước. Địa

chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 100209 số vào sổ cấp GCN: CH07220 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 28/02/2013 và được cập nhật thay đổi ngày 18/02/2022. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo trên được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ đối với Ngân hàng. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ tại H, thì ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

* Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 26 tháng 3 năm 2025 và ngày 19 tháng 6 năm 2025 nhưng ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ vắng mặt không lý do.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn do ông Ngô Quang T1 trình bày: Buộc ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ phải trả nợ gốc và lãi là 1.947.144.746 đồng (*Một tỷ, chín trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng*) tính đến ngày 30/7/2025, cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 1.583.070.602 đồng (*Một tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, không trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm lẻ hai đồng*);

- Nợ lãi trong hạn: 207.118.097 đồng (*Hai trăm lẻ bảy triệu, một trăm mười tám nghìn, không trăm chín mươi bảy đồng*);

- Lãi quá hạn: 156.956.047 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm bốn mươi bảy đồng*).

Trường hợp ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho H, đề nghị Quý Tòa cho Ngân hàng yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp tại H là:

- Quyền sử dụng đất thửa số 132, tờ bản đồ 7, diện tích 9.453,0m^2 ; Đất chuyên trồng lúa nước. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 100209 số vào sổ cấp GCN: CH07220 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 28/02/2013 và được cập nhật thay đổi ngày 18/02/2022. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo trên được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ đối với Ngân hàng. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ tại H, thì ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

* Bị đơn bà Cao Thị Thu Đ và ông Nguyễn Hữu P có đơn xin vắng mặt tại phiên toà và thừa nhận hiện đang nợ gốc và lãi của Ngân hàng TMCP P và đồng ý trả gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP P theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Trường hợp bà Cao Thị Thu Đ và ông Nguyễn Hữu P không có khả năng trả nợ gốc và lãi thì đồng ý cho Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

* Bà Đoàn Thị T2 và ông Nguyễn Văn Ú xin vắng mặt tại phiên toà, đối với vụ kiện tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP P và ông Nguyễn Hữu P1, bà Cao Thị Thu Đ thì ông T2 và bà Ú có ý kiến như sau: Ông T2 và bà Ú có thuê thửa đất số 132, tờ bản đồ 7. Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long của ông Nguyễn

Hữu P, bà Cao Thị Thu Đ thời hạn thuê đất là một năm, tiền thuê đất là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), thời hạn 01 năm đã gần hết thời hạn thuê đất nên bà Đoàn Thị T2 và ông Nguyễn Văn Ú không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3-Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

- Thẩm quyền thụ lý: Vụ án có tranh chấp về hợp đồng tín dụng có thế chấp tài sản nên căn cứ vào nơi thực hiện hợp đồng thì Tòa án nhân dân Thị xã Bình Minh (TAND khu vực 3) thụ lý là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025, khoản 1 Điều 40 BLTTDS năm 2015.

- Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là ngân hàng yêu cầu thanh toán tiền vay và phát mãi tài sản theo hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp đã ý kết nên Tòa đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

- Tư cách đương sự: Thẩm phán đã xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng như: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS.

- Về xác minh, thu thập chứng cứ và giao nộp tài liệu chứng cứ được thực hiện đúng quy định tại Điều 95, 96 và 97 BLTTDS.

Trong vụ án này Thẩm phán thu thập chứng cứ bằng biện pháp: tiến hành xem xét thẩm định tại chổ để làm căn cứ giải quyết vụ án là thực hiện đúng quy định tại Điều 101 của BLTTDS.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 01/11/2024 Tòa án thụ lý vụ án. Đến ngày 08/7/2025 Tòa án mới đưa vụ án ra xét xử là chưa chấp hành đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử tại khoản 1 Điều 203 BLTTDS năm 2015.

- Việc chuyển giao hồ sơ và gửi quyết định xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS năm 2015.

- Trình tự thụ lý vụ án dân sự đúng quy định tại Điều 195 Bộ luật TTDS. Các thủ tục cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 175, 177, 179 BLTTDS.

- Việc thực hiện các thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định tại Điều 195 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 48, 49, 51 của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

3. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 86 BLTTDS. Bị đơn ông P, bà Đ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ú, bà T2 chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72, 73 BLTTDS cụ thể vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 26/3/2025 và ngày 19/6/2025. Ông P, bà Đ, ông T2, bà Ú có yêu cầu xin vắng mặt trong quá trình xét xử của Tòa án.

4. Về việc giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP P đã cho ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ vay tiền theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 5467/24MN/HĐTD ngày 28/02/2024; khế ước nhận nợ số: 5467/24MN/HĐTD/KUNN01 ngày 01/03/2024 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số: 354/2022/PGD B ngày 09/03/2022.

Để đảm bảo cho khoản vay thì bà ông P, bà Đ đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5195/22MN/HĐBĐ do Phòng C chứng nhận ngày 22/02/2022, Số Công Chứng 934, quyển số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD để thế chấp thửa đất số 132, tờ bản đồ 7, tọa lạc tại ấp T, Xã T, Huyện B (nay là phường B), tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 100209 số vào sổ cấp GCN: CH07220 do Ủy ban nhân dân Huyện B (nay là phường B) cấp ngày 28/02/2013. Cập nhật thay đổi ngày 18/02/2022.

Do ông P, bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng đã nhiều lần thông báo việc trả nợ nhưng ông P, bà Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Tính đến ngày 02/7/2024 ông P còn nợ ngân hàng số tiền theo từng hợp đồng là:

+ Hợp đồng số 5467/24MN/HĐTD ngày 28/02/2024 đã thanh toán tiền lãi trong hạn là 112.328 đồng, tiền lãi quá hạn đối với quá hạn gốc và lãi chậm trả lãi là 24.740 đồng. Còn lại tiền gốc là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 55.743.152 đồng, tiền lãi quá hạn đối với quá hạn gốc và lãi chậm trả lãi là 694.748 đồng. Tổng cộng là 1.556.437.900 đồng.

+ Khoản vay thẻ tín dụng số 354/2022/PGD Bình Minh ngày 9/03/2022 đã thanh toán 0 đồng, cần thanh toán tiền gốc là 83.070.602 đồng, tiền lãi + phí là 21.074.858 đồng. Tổng cộng là 104.145.460 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu ông P, bà Đ phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là 1.660.583.360 đồng theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng.

Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp đã ký. Nếu tiền từ việc phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán nghĩa vụ trả nợ thì ông P và bà Đ vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu P, bà Cao Thị Thu Đ đồng ý theo yêu cầu của ngân hàng về việc thanh toán tiền gốc và lãi. Trường hợp không có khả năng thanh toán ngân hàng thì ông P, bà Đ đồng ý phát mãi tài sản thế chấp. Xin vắng mặt trong quá trình xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông Nguyễn Văn Ú và bà Trần Thị T3 có thuê đất của ông P tại thửa đất số 132, thời hạn thuê là một năm kể từ tháng 01/2025 đến tháng 01/2026 để canh tác lúa mùa, giá thuê là 20.000.000 đồng/năm, không có lập hợp đồng thuê. Ông Ú cam kết khi thu hoạch hết vụ hè thu (vụ đang làm) sẽ trả đất lại cho ông P. Bà T3 thống nhất ý kiến của ông Ú. Ông Ú, bà T3 xin vắng mặt trong quá trình giải quyết của Tòa án.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn ngân hàng có ý kiến yêu cầu ông P, bà Đ phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/7/2025 là 1.947.144.746 đồng theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng. Cụ thể:

+ Hợp đồng số 5467/24MN/HĐTD ngày 28/02/2024 còn nợ tiền gốc là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 174.498.629 đồng, tiền lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi là 126.117.627 đồng. Tổng cộng là 1.800.616.256 đồng.

+ Khoản vay thẻ tín dụng số 354/2022/PGD B ngày 9/03/2022 còn nợ tiền gốc là 83.070.602 đồng, tiền lãi trong hạn là 32.619.468 đồng, lãi quá hạn là 30.827.159 đồng và lãi chậm trả lãi là 11.261 đồng. Tổng cộng là 146.528.490 đồng. Tiếp tục tính lãi từ ngày 31/7/2025 đến khi thanh toán hết các khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp đã ký. Nếu tiền từ việc phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán nghĩa vụ trả nợ thì ông P và bà Đ vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay. Nhận thấy: Yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ:

(1). Yêu cầu buộc ông P, bà Đ phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là 1.947.144.746 đồng theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng. Yêu cầu này có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ:

Việc vay tiền giữa ngân hàng với ông P, bà Đ thể hiện qua các hợp đồng Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 5467/24MN/HĐTD ngày 28/02/2024; khế ước nhận nợ số: 5467/24MN/HĐTD/KUNN01 ngày 01/03/2024 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số: 354/2022/PGD B ngày 09/03/2022 được các bên giao kết tự nguyện, có hình thức và nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật phát sinh hiệu lực buộc các bên có trách nhiệm thực hiện đúng theo cam kết trong hợp đồng.

Đối với số tiền lãi 364.074.144 đồng thì theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "…Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật". Theo hợp đồng tín dụng 5467/24MN/HĐTD ngày 28/02/2024 thì lãi suất tại thời điểm cho vay là 11,5% cố định 06 tháng và lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn trên số nợ gốc thực tế chưa thanh toán và lãi chậm trả bằng 10%/năm số dư lãi chậm trả. Xét thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng trên không trái với quy định của BLDS năm 2015 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 cũng như quy chế cho vay của tổ chức tín dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng nên có hiệu lực.

Trong quá trình vay thì ông P và bà Đ chỉ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay đến ngày 28/02/2025 mặc dù ngân hàng đã có các thông báo nợ đến hạn tuy nhiên ông P và bà Đ vẫn không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi đầy đủ cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay.

Do đó có căn cứ buộc ông P và bà Đ trả số tiền tạm tính đến ngày 30/7/2025 theo hợp đồng số 5467/24MN/HĐTD ngày 28/02/2024; khế ước nhận nợ số: 5467/24MN/HĐTD/KUNN01 ngày 01/03/2024 tổng cộng tiền gốc và lãi là

1.800.616.256 đồng và hợp đồng số 354/2022/PGD Bình Minh ngày 09/03/2022 là 146.528.490 đồng.

(2). Yêu cầu phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5195/22MN/HĐBĐ do Phòng C chứng nhận ngày 22/02/2022. Trong trường hợp không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp đã ký, yêu cầu này là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được các bên giao kết tự nguyện. Nội dung hợp đồng thể hiện việc ông P, bà Đ thế chấp các quyền sử dụng đất tại thửa đất số 132 để đảm bảo cho việc vay. Tài sản thế chấp đã được đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đất đai thị xã B. Hợp đồng đảm bảo quy định về nội dung và hình thức tại các Điều 298 Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163. Do đó hợp đồng thế chấp có hiệu lực theo quy định. Vì vậy yêu cầu phát mãi tài sản của ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

Bị đơn ông P và bà Đ thống nhất yêu cầu của ngân hàng về việc trả tiền vay và yêu cầu phát mãi tài sản của ngân hàng nên ghi nhận sự tự nguyện của ông P, bà Đ.

Ông Ú, bà T3 không có yêu cầu trong vụ án nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về chi phí thẩm định tại chổ: Buộc ông P, bà Đ chịu toàn bộ chi phí thẩm định tại chổ do yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận. Buộc ông P, bà Đ trả số tiền 2.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc ông P, bà Đ chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định do yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận. Ông P, bà Đ phải nộp số tiền án phí là 70.414.342 đồng.

Từ những phân tích trên quan điểm của Viện kiểm sát:

Áp dụng khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 40, Điều 147, Điều 157 BLTTDS năm 2015;

Áp dụng Điều 298, Điều 357, Điều 466 BLDS năm 2015;

Áp dụng Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Áp dụng Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội. Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP P (H)

Buộc ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 30/7/2025 theo hợp đồng tín dụng số số 5467/24MN/HĐTD ký ngày 28/02/2024 là 1.800.616.256 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 55.743.152 đồng, tiền lãi quá hạn đối với quá hạn gốc và lãi chậm trả lãi là 694.748 đồng và hợp đồng số 354/2022/PGD Bình Minh ngày 09/03/2022 là 146.528.490 đồng, nợ gốc là 83.070.602 đồng, tiền

lãi trong hạn là 32.619.468 đồng, lãi quá hạn là 30.827.159 đồng và lãi chậm trả lãi là 11.261 đồng.

Ông P và bà Đ phải tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh từ ngày 31/7/2025 đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trong trường hợp ông P, bà Đ không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì ngân hàng TMCP P được quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê biên, phát mãi tài sản thế chấp thửa đất số số 132, tờ bản đồ 7, tọa lạc tại ấp T, Xã T, Huyện B (nay là phường B), tỉnh Vĩnh Long theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5195/22MN/HĐBĐ do Phòng C chứng nhận ngày 22/02/2022.

Về chi phí thẩm định tại chổ: Buộc ông P, bà Đ chịu số tiền 2.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc ông P, bà Đ chịu án phí sơ thẩm là 70.414.342 đồng.

5. Đề nghị Tòa án khắc phục vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử đối với các vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Tranh chấp hợp đồng tín dụng được xác lập và có bất động sản thế chấp trên địa bàn phường B nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3-Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ông Nguyễn Hữu P, bà Cao Thị Thu Đ, ông Nguyễn Văn Ú và bà Đoàn Thị T2 có đơn xin vắng mặt tại phiên toà xét xử sơ thẩm nên phiên Tòa dân sự sơ thẩm được tiến hành vào ngày 30/7/2025, theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P yêu cầu ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ trả gốc và lãi tính lãi đến ngày 30/7/2025 như sau:

Buộc ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ phải trả nợ gốc và lãi là 1.947.144.746 đồng (*Một tỷ, chín trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng*) tính đến ngày 30/7/2025, cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 1.583.070.602 đồng (*Một tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, không trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm lẻ hai đồng*);

- Nợ lãi trong hạn: 207.118.097 đồng (*Hai trăm lẻ bảy triệu, một trăm mười tám nghìn, không trăm chín mươi bảy đồng*);

- Lãi quá hạn: 156.956.047 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm bốn mươi bảy đồng*).

Trường hợp ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho H, yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp tại H là: Quyền sử dụng đất thửa số 132, tờ bản đồ 7, diện tích 9.453,0m^2 ; Đất chuyên trồng lúa nước. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 100209 số vào sổ cấp GCN: CH07220 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 28/02/2013 và được cập nhật thay

đổi ngày 18/02/2022. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo trên được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ đối với Ngân hàng. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ tại H, thì ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ đã ký với Ngân hàng TMCP P các Hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 5467/24MN/HĐTD ngày 28/02/2024 và khế ước nhận nợ số: 5467/24MN/HĐTD/KUNN01 ngày 01/03/2024 giữa H với ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5195/22MN/HĐBĐ do Phòng C chứng nhận ngày 22/02/2022, Số Công Chứng 934, quyển số 01/2022.

+ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số: 354/2022/PGD B ngày 09/03/2022 giữa H với ông Nguyễn Hữu P.

Do ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P là có căn cứ nên được chấp nhận. Đồng thời ông Nguyễn Hữu P cùng bà Cao Thị Thu Đ thừa nhận nợ và đồng ý trả gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Trường hợp bà Cao Thị Thu Đ và ông Nguyễn Hữu P không có khả năng trả nợ gốc và lãi thì đồng ý cho Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Buộc ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ phải trả nợ gốc và lãi là 1.947.144.746 đồng (*Một tỷ, chín trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng*) tính đến ngày 30/7/2025, cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 1.583.070.602 đồng (*Một tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, không trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm lẻ hai đồng*);

- Nợ lãi trong hạn: 207.118.097 đồng (*Hai trăm lẻ bảy triệu, một trăm mười tám nghìn, không trăm chín mươi bảy đồng*);

- Lãi quá hạn: 156.956.047 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm bốn mươi bảy đồng*).

" Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

Trường hợp ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho H thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp tại H là: Quyền sử dụng đất thửa số 132, tờ bản đồ 7, diện tích 9.453,0m^2 ; Đất chuyên trồng lúa nước. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 100209 số vào sổ cấp GCN: CH07220 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày

28/02/2013 và được cập nhật thay đổi ngày 18/02/2022.

[3] Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ nộp 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), do Ngân hàng TMCP P đã nộp tạm ứng nên khi ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ nộp 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) để hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP P.

[4] Về án phí dân sự: Áp dụng Khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357, 401, 463, 465, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 90, 91 và 95 của Luật tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P. Buộc ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ trả nợ gốc và lãi là 1.947.144.746 đồng (*Một tỷ, chín trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng*) tính đến ngày 30/7/2025, cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 1.583.070.602 đồng (*Một tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, không trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm lẻ hai đồng*);
- Nợ lãi trong hạn: 207.118.097 đồng (*Hai trăm lẻ bảy triệu, một trăm mười tám nghìn, không trăm chín mươi bảy đồng*);
- Lãi quá hạn: 156.956.047 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm bốn mươi bảy đồng*).

" Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

Trường hợp ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho H thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp tại H là: Quyền sử dụng đất thửa số 132, tờ bản đồ 7, diện tích 9.453,0m^2 ; Đất chuyên trồng lúa nước. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG

100209 số vào sổ cấp GCN: CH07220 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 28/02/2013 và được cập nhật thay đổi ngày 18/02/2022.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ nộp 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), do Ngân hàng TMCP P đã nộp tạm ứng nên khi ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ nộp 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) để hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP P.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 70.414.342 đồng (*Bảy mươi triệu, bốn trăm mười bốn nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng*).

3.2. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.909.000 đồng (*Ba mươi triệu chín trăm lẻ chín nghìn đồng*) theo biên lai số 0012972, ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01
- VKSND KV3-VL: 01
- Phòng THADS KV3-VL: 01
- Đương sự: 04
- Lưu: 04

Nguyễn Thị Lệ T